TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST

Ngày: 12/4/2019

"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ H

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hữu T.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông **Kiều Duy T.**

2. Bà **Nguyễn Thị H**.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Thị T** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Q, thành phố H;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thủy T -** Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 19/2018/TLST-DS ngày 10/5/2018 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-DS ngày 15/03/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH M**

Địa chỉ: Số 22 H, phường L, quận H, thành phố Hà NộHi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Quang C**- Phó tổng giám đốc công ty; *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP V**, địa chỉ: số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố H; *Người đại diện theo pháp luật:* ông **Ngô Chí D**- chủ tịch Hội đồng quản trị; *Người dại diện theo ủy quyền*: ông **Phạm Tuấn A-** Phó giám đốc Trung tâm Pháp luât Ngân hàng. *Người được ủy quyền lại:* Ông **Đỗ Văn P**, chuyên viên xử lý nợ

- *Bị đơn:* 1- Bà **Ngô Thị B**, sinh năm 1965.

2- Ông **Phùng Văn B**, sinh năm 1966;

Đều trú tại: Thôn 5, xã P, huyện Q, thành phố H, đều đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2018 các bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Ngô Thị B và ông Phùng Văn B vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo hai hợp đồng tín dụng là: Hợp đồng tín dụng số LD1126700007 ngày 03/11/2011 với số tiền vay là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng); Thời hạn vay là 58 tháng tính từ ngày 03/10/2011 đến ngày 03/08/2016; Lãi suất cho vay trong hạn: 23,5%/ năm, được điều chỉnh định kì 03 tháng/ lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh biên độ (+) 9,5%/ năm. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn và hợp đồng tín dụng hạn mức số LD 1216000354 ngày 08/6/2012 với số tiền vay là: 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng); thời hạn vay: 05 tháng tính từ ngày 08/6/2012; Lãi suất cho vay trong hạn: 21%/ năm, được điều chỉnh định kì 03 tháng/ lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 10%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông B, bà B đã thế chấp tài sản đảm bảo là: *Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 134, tờ bản đồ số: 4; địa chỉ thửa đất: Thôn 5, xã P, huyện Q, tỉnh H (nay là thành phố H); diện tích thửa đất: 260m^2; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P738496, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 0319...QSDD do UBND huyện Q, tỉnh H(cũ) cấp ngày 17/9/2003 đứng tên hộ ông Phùng Văn B. Tài sản thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 5198.2011/HĐTC ký ngày 03/8/2011 tại văn phòng công chứng T, thành phố H.*

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Ngô Thị B và ông Phùng Văn B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. Ngày 28/6/2016, Ngân hàng đã bán khoản nợ của bà Ngô Thị B và ông Phùng Văn B cho Công ty M theo Hợp đồng mua bán nợ số 2205/2016/MBN.VAMC2-V. Theo hợp đồng mua bán nợ này, Ngân hàng đã chuyển quyền chủ nợ của khoản nợ nêu trên cho Công ty M. Cùng ngày 28/6/2016, Công ty M và Ngân hàng đã kí hợp đồng ủy quyền số 2206/2016/UQ.VAMC2-VPBANK, theo đó, Công ty M có quyền thay mặt

Ngân hàng khởi kiện, tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp, bao gồm cả quyền ký, nộp, bổ sung, rút đơn khởi kiện và các tài liệu liên quan.

Tính đến ngày 21/4/2018, bà Ngô Thị B và ông Phùng Văn B còn nợ Công ty M tổng số tiền là 4.518.508.194 đồng. Trong đó, nợ gốc là 1.320.600.000 đồng; nợ lãi: 1.921.159.380 đồng; phạt chậm trả lãi: 1.276.748.814 đồng.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà B, ông B thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng. Cụ thể:

1 - Yêu cầu bà B, ông B phải thanh toán cho Công ty M tòan bộ số tiền dư nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, tính đến ngày 21/4/2018 khoản tiền là 4.518.508.194 đồng và toàn bộ lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từ ngày 21/4/2018 cho đến ngày bà Ngô Thị B và ông Phùng Văn B thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty M.

2 - Đề nghị tòa tuyên: Trong trường hợp bà Ngô Thị B và ông Phùng Văn B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ, cụ thể: *toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 134, tờ bản đồ số: 4; địa chỉ thửa đất: Thôn 5, xã P, huyện Q, tỉnh H (nay là thành phố H); diện tích thửa đất: 260m^2; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P738496, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 0319...QSDD do UBND huyện Q, tỉnh H(cũ) cấp ngày 17/9/2003 đứng tên hộ ông Phùng Văn B. Tài sản thế chấp tại ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 5198.2011/HĐTC ký ngày 03/8/2011 tại văn phòng công chứng T, thành phố H.*

3 - Bà Ngô Thị B và ông Phùng Văn B phải chịu án phí và mọi chi phí phát sinh trong suốt quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/6/2018, Đại diện nguyên có đơn rút một phần đơn khởi kiện như sau:

Do công ty M đã thỏa thuận được với bà Ngô Thị B và ông Phùng Văn B về một số nội dung trong yêu cầu khởi kiện. Bà B và ông B đã nộp toàn bộ số tiền gốc và một phần lãi; Công ty M đã giải chấp tài sản thế chấp trả lại cho bà B, ông B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn cứ theo điều 71, Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị:

- Công ty M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện sau đây:

  - Rút yêu cầu khởi kiện đối với phần dư nợ gốc và phạt chậm trả lãi;

- Rút yêu cầu Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án: *Công ty M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ, cụ thể: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 134, tờ bản đồ số: 4; địa chỉ thửa đất: Thôn 5, xã P, huyện Q, tỉnh H (nay là thành phố H); diện tích thửa đất: 260m^2; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P738496, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 0319...QSDD do UBND huyện Q, tỉnh H(cũ) cấp ngày 17/9/2003 đứng tên hộ ông Phùng Văn B. Tài sản thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 5198.2011/HĐTC ký ngày 03/8/2011 tại văn phòng công chứng T, thành phố H.*

Công ty M tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu khởi kiện sau đây:

1- Yêu cầu Tòa án buộc bà Ngô Thị B và ông Phùng Văn B phải thanh toán cho Công ty M toàn bộ số tiền dư nợ và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 05/6/2018 là: 1.879.475.690 đồng;

2- Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà Ngô Thị B và ông Phùng Văn B thực tế thanh toán cho Ngân hàng;

3- Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án: Công ty M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Ngô Thị B và ông Phùng Văn B để thu hồi khoản nợ.

Tại phiên Tòa Đại diện nguyên đơn được ủy quyền rút 2 yêu cầu khởi kiện là yêu cầu tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận hợp đồng tín dụng và yêu cầu tuyên trong bản án Công ty M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Ngô Thị B và ông Phùng Văn B để thu hồi khoản nợ.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn là bà Ngô Thị B trình bày:

Bà B xác nhận có vay vốn của ngân hàng TMCP V theo hợp đồng tín dụng số LD1126700007 ngày 03/11/2011 và hợp đồng tín dụng hạn mức số LD 1216000354 ngày 08/6/2012 với tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng với lãi suất thời điểm vay là 23,5%/năm và một hợp đồng cho vay vốn lãi 21%/năm .

Tài sản thế chấp là nhà đất thửa đất số 134, tờ bản đồ số: 4; địa chỉ thửa đất: Thôn 5, xã P, huyện Q, tỉnh H (nay là thành phố H); diện tích thửa đất: 260m^2; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P738496, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 0319...QSDD do UBND huyện Q, tỉnh H(cũ) cấp ngày 17/9/2003

đứng tên hộ ông Phùng Văn B. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình có 5 người. Bà B, ông B và 3 người con.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà B, ông B đã trả được 179.400.000 đồng nợ gốc; 172.132.894 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 28/3/2017, ông B, bà B còn nợ ngân hàng số tiền gốc 1.320.600.000 đồng, tổng lãi, lãi phạt chậm trả 2.416.808.956 đồng. Tổng cả hai khoản là 3.737.408.956 đồng.

Do hoàn cảnh gia đình ông B, bà B quá khó khăn nên ông B, bà B đề nghị ngân hàng phát mại tài sản theo quy định của pháp luật.

Còn ông B nói rằng ông B không vay thì không trả. Toàn bộ hợp đồng vay có ký kết nhưng khi lấy được tiền về thì tôi đưa tiền cho ông Ngô Văn T là anh trai bà sử dụng toàn bộ và gán nợ một mảnh đất 174m^2 bán được 800 triệu đồng. Khi nhận được giấy triệu tập của Tòa án ông B nói không đến Tòa vì bận việc không nghỉ được và vì số tiền vay tôi cho anh trai tôi là Ngô Văn T sử dụng. Các nhân chứng là ông Phùng Văn L và Đỗ Thị Y, Nguyễn Thị H theo lời khai của bà Ngô Thị B đề nghị ngân hàng giãn nợ và chỉ trả phần gốc và xin toàn bộ phần lãi và trả dần.

Bị đơn, nhân chứng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Quốc Oai phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký Tòa án đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật; vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử nên kiến nghị rút kinh nghiệm. Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật tại phiên tòa; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn Tòa án đã báo nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc. Căn cứ vào điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; điều 91 Luật tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận việc rút một phần đơn khởi kiện

- Rút yêu cầu khởi kiện đối với phần dư nợ gốc và phạt chậm trả lãi;

- Rút yêu cầu Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án: Công ty M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ, cụ thể*:* toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 134, tờ bản đồ số: 4; địa chỉ thửa đất: Thôn 5, xã P, huyện Q, tỉnh H (nay là thành phố H); diện tích thửa đất: 260m^2; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P738496, số vào

sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 0319...QSDD do UBND huyện Q, tỉnh H(cũ) cấp ngày 17/9/2003 đứng tên hộ ông Phùng Văn B. Tài sản thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 5198.2011/HĐTC ký ngày 03/8/2011 tại văn phòng công chứng T, thành phố H.

Yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 1.879.475.690 đồng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

***[1] Về tố tụng*:**

Đây là vụ án phát sinh từ Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng V với bà Ngô Thị B và ông Phùng Văn B, địa chỉ: thôn 5, xã P, huyện Q, thành phố H. Theo quy định tại khoản 1, điều 35; điểm b khoản 1 điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập tòa án. Như vậy, tại khoản 3 điều 40 Bộ luật dân sự thì ông B, bà B đã cố tình lẩn tránh. Bởi lẽ trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 điều 277, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 04/2017/ NQHĐTP ngày 05/5/2017 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung áp dụng luật giải quyết vụ án:

Ngân hàng V và bà Ngô Thị B, ông Phùng Văn B đã ký hợp đồng tín dụng số LD1126700007 ngày 03/11/2011 và hợp đồng tín dụng hạn mức số LD 1216000354 ngày 08/6/2012. Như vậy, Hợp đồng cho vay đã được hai bên giao kết và thực hiện trước ngày 01/01/2017. Căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

Theo các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án: tại hợp đồng tín dụng số LD1126700007 ngày 03/11/2011 và hợp đồng tín dụng hạn mức số LD 1216000354 ngày 08/6/2012 giữa Ngân hàng TMCP V và bà Ngô Thị B, ông Phùng Văn B, bà B và ông B vay tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông B, bà B đã ký với Ngân hàng V Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, với tài sản thế chấp là: *Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài*

sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 134, tờ bản đồ số: 4; địa chỉ thửa đất: Thôn 5, xã P, huyện Q, tỉnh H (nay là thành phố H); diện tích thửa đất: 260m^2; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P738496, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 0319...QSDD do UBND huyện Q, tỉnh H(cũ) cấp ngày 17/9/2003 đứng tên hộ ông Phùng Văn B.

Việc ký kết các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, Hợp đồng thế chấp đều dựa trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên. Căn cứ điều 389 Bộ luật dân sự 2005 Hội đồng xét xử công nhận Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V và bà Ngô Thị B và ông Phùng Văn B là hợp pháp.

- Công ty M yêu cầu bà Ngô Thị B và ông Phùng Văn B có nghĩa vụ thanh toán trả Công ty M là: 1.879. 475.690 đồng (Một tỷ tám trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc 0 đồng; Nợ lãi trong hạn 1,879,475,690 đồng đồng; Nợ lãi quá hạn: 0 đồng là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vĩ các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 35 ; điểm b khoản 1 điều 40; điểm b khoản 2 điều 277, điều 228; điểm a khoản 1 điều 688 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 355; điều 471; 472; 473; 474; 475 và 478 của Bộ luật dân sự 2005;

Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điều 91 và điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M đối với bà Ngô Thị B và ông Phùng Văn B.

2. Buộc bà Ngô Thị B và ông Phùng Văn B phải trả Công ty M số tiền 1.879. 475.690 đồng *(Một tỷ tám trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi đồng).*

3. **Về án phí**: Bà B, ông B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 34.192.000 đồng *(ba tư triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng).*

Công ty TNHH M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 54.374.000 đồng (Năm mươi tư triệu ba trăm bảy tư nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007392 ngày 28/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, thành phố H.

Kể từ ngày người được Thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B, bà B không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông B, bà B còn phải trả Công ty TNHH M số tiền lãi đối với số tiền chưa trả theo mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự tương tứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

***Nơi nhận**:*

- *TAND thành phố H.*
- *VKSND huyện Q;*
- *Thi hành án huyện Q;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP*

Nguyễn Hữu T